SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP **BỆNH VIỆN DA LIỄU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 68/BVDL-KD.CLS V/v báo cáo kết quả thực hiện đấu thầu Gói thầu mua sắm thiết bị năm 2023	*Đồng Tháp, ngày 17 tháng 01 năm 2024*

Kính gửi: - Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Y tế;
- Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Bệnh viện Da Liễu tỉnh Đồng Tháp báo cáo kết quả thực hiện đấu thầu Gói thầu Mua sắm thiết bị năm 2023 như sau:

(Đính kèm Danh mục)

Bệnh viện Da Liễu tỉnh Đồng Tháp kính gửi báo cáo đến Vụ Kế hoạch - Tài chính và Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, KD.	**GIÁM ĐỐC** BỆNH VIỆN DA LIỄU ĐỒNG THÁP **Đoàn Quốc Tuấn**

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC BÁO CÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Gói thầu: Mua sắm thiết bị năm 2023 của Bệnh viện Da Liễu

Đơn vị tính: đồng.

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu							Thông tin chung		Kết quả thực hiện												
STT	Tên trang thiết bị y tế	Phân nhóm	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn đầu tư	Số lượng định mức	Tên trang thiết bị y tế	Chủng loại (model) / Mã sản phẩm	Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/ nước chủ Sở hữu	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị trúng thầu	Mã số thuế của đơn vị trúng thầu	Ghi chú
Quyết định phê duyệt KHLCNT: số 1432/QĐ-SYT, ngày 31 tháng 10 năm 2023 Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị năm 2023 của Bệnh viện Da liễu Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng									Quyết định phê duyệt KQLCNT: số 680/QĐ-BVDL, ngày 12 tháng 12 năm 2023. Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị năm 2023 của Bệnh viện Da Liễu.												
1	Bộ dụng cụ tiểu phẫu thẩm mỹ da (09 khoản)		02	Bộ	32.459.000	64.918.000	Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế năm 2023	02	Bộ dụng cụ tiểu phẫu thẩm mỹ da (có 09 khoản)	26-133, 26-114,26-122, 04-151, 04-152, 04-255, 04-256, 26-155, 08-122, 03-128, 06-111, 06-110	180001592 /PCBA-HCM, 52/170000044/PCBPL-BYT	2022 trở về sau	Pakistan	ADI	ADI Industry/ Pakistan	Bộ	4.998.000	Theo phụ lục đính kèm	Công ty TNHH trang thiết bị y nha khoa Việt Tiên	0301466228	
2	Bộ dụng cụ tiểu phẫu thẩm mỹ da (09 khoản)		02	Bộ	28.487.000	56.974.000	Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế năm 2023	02	Bộ dụng cụ tiểu phẫu thẩm mỹ da (có 09 khoản)	26-133, 26-114, 04-255, 04-256, 04-151, 04-152, 08-122, 26-122, 26-155, 06-111, 06-110	170001005 /PCBA-HCM, 15ADI/210000032/PCBPL-BYT, 200001369 /PCBA-HCM	2022 trở về sau	Pakistan	ADI	ADI Industry/ Pakistan	Bộ	4.998.000	Theo phụ lục đính kèm	Công ty TNHH trang thiết bị y nha khoa Việt Tiên	0301466228	
3	Hệ thống Elisa (Hệ thống Elisa bán tự		01	Hệ thống	390.000.000	390.000.000	Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế năm 2023	01	Hệ thống Elisa (Hệ thống Elisa bán tự động)	TC-96+, TC-94, TC-92	170000863 -PCBA-HCM; 170000865 -PCBA-HCM; 170000861	2022 trở về sau	Mỹ	Teco Diagnostics	Teco Diagnostics/ Mỹ	Hệ thống	299.250.000	Theo phụ lục đính kèm	Công ty TNHH trang thiết bị y nha khoa Việt	0301466228	

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu							Thông tin chung		Kết quả thực hiện												
STT	**Tên trang thiết bị y tế**	**Phân nhóm**	**Số lượng**	**Đơn vị tính**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Nguồn vốn đầu tư**	**Số lượng định mức**	**Tên trang thiết bị y tế**	**Chủng loại (model) / Mã sản phẩm**	**Số lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu**	**Năm sản xuất**	**Nước sản xuất**	**Hãng sản xuất**	**Hãng/ nước chủ Sở hữu**	**Đơn vị tính**	**Đơn giá trúng thầu**	**Tính năng kỹ thuật cơ bản**	**Đơn vị trúng thầu**	**Mã số thuế của đơn vị trúng thầu**	**Ghi chú**
	động)										-PCBA-HCM								Tiên		
4	Máy plasma (Plasma nóng)		01	Cái	890.000.000	890.000.000	Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế năm 2023	01	Máy plasma (Plasma nóng)	Alma Opus	230421/PL-ALMA-OPUS	2023 trở về sau	CHLB Đức	Alma Lasers	Alma Lasers/ CHLB Đức	Cái	1.080.200.000	Theo phụ lục đính kèm	Công ty TNHH trang thiết bị y nha khoa Việt Tiên	0301466228	
5	Máy giặt (loại 16kg)		01	Cái	20.990.000	20.990.000	Nguồn kinh phí sự nghiệp y tế năm 2023	1	Máy giặt (loại 16kg)	NA-FD16V1BRV		2023 trở về sau	Việt Nam	Panasonic	Panasonic/ Việt Nam	Cái	22.000.000	Theo phụ lục đính kèm	Công ty TNHH trang thiết bị y nha khoa Việt Tiên	0301466228	

PHỤ LỤC 2

CẤU HÌNH, TÍNH NĂNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ dụng cụ tiểu phẫu thẩm mỹ da (có 09 khoản)	**I.Yêu cầu chung:** Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau. Chất lượng: Mới 100%. Hãng sản xuất: ADI Nước sản xuất: Pakistan **II.Cấu hình trang thiết bị:** 01 Kéo phẫu tích (26-133) 01 Kéo phẫu tích (26-114) 02 Nhíp phẫu tích (04-255 và 04-256) 01 Nhíp phẫu tích (04-151 và 04-152) 01 Banh vết thương (08-122) 01 Kéo phẫu tích (03-128) 01 Kẹp mang kim (26-155) 01 Kẹp phẫu tích (06-111) 01 Kẹp phẫu tích (06-110) **III. Thông số kỹ thuật:** Kéo phẫu tích mảnh, cong, 120mm, lưỡi TC cán vàng (26-133) mũi nhọn/nhọn. Kéo Metzenaum, cong, cán vàng (26-114) mảnh, mũi tù/tù, dài 115mm. Nhíp phẫu tích Micro-Adson, mấu 1mm và 1.5mm, 120mm (04-255 và 04-256) mảnh, mấu. Nhíp Micro-Adson và Adsondài 120mm (04-151 và 04-152) mảnh. Cây móc banh da Graefe 125mm, mũi tù (08-122) loại rất mảnh, 1 móc, dài. Kéo cực mãnh thẳng 120mm (03-128) lưỡi mặt trong có khía mịn, mặt ngoài hơi sắc, mũi tù/tù. Kìm kẹp kim Halsey, cán vàng (26-155) thẳng, dài 130mm. Kẹp Hastled-Mosquito mảnh, cong, dài 125mm (06-111). Kẹp Hastled-Mosquito mảnh (06-110) thẳng dài 125mm.	Bộ	2
2	Bộ dụng cụ tiểu phẫu thẩm	**I.Yêu cầu chung:** Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau. Chất lượng dụng cụ: Mới 100%. Cung cấp đầy đủ chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ - CC).	Bộ	2

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
	mỹ mắt (có 09 khoản)	**II.Cấu hình trang thiết bị:** 01 Kéo phẫu tích (26-133) 01 Kéo phẫu tích (26-114) 02 Nhíp phẫu tích (04-255 và 04-256) 01 Nhíp phẫu tích (04-151 và 04-152) 01 Banh vết thương (08-122) 01 Kéo phẫu tích (26-122) 01 Kẹp mang kim (26-155) 01 Kẹp phẫu tích (06-111) 01 Kẹp phẫu tích (06-110) **III. Thông số kỹ thuật:** Kéo phẫu tích mảnh, cong, 120mm, lưỡi TC cán vàng (26-133) mũi nhọn/nhọn. Kéo Metzenaum, cong, cán vàng (26-114) mảnh, mũi tù/tù, dài 115mm. Nhíp phẫu tích Micro-Adson, mấu 1mm và 1.5mm, 120mm (04-255 và 04-256) mảnh, mấu. Nhíp Micro-Adson và Adsondài 120mm (04-151 và 04-152) mảnh. Cây móc banh da Graefe 125mm, mũi tù (08-122) loại rất mảnh, 1 móc, dài. Kéo Metzenbaum, cán vàng (26-122) mảnh, cong, mũi tù/tù, dài 145mm. Kìm kẹp kim Halsey, cán vàng (26-155) thẳng, dài 130mm. Kẹp Hastled-Mosquito mảnh, cong, dài 125mm (06-111). Kẹp Hastled-Mosquito mảnh (06-110) thẳng dài 125mm.		
3	**Hệ thống Elisa (hệ thống Elisa Bán tự động)**	**I.Yêu cầu chung:** - Năm sản xuất: Năm 2022 trở về sau - Chất lượng: Mới 100%. - Hãng sản xuất: Teco Diagnostics - Nước sản xuất: Hoa Kỳ **II.Cấu hình trang thiết bị:** - 01 Máy đọc khay vi thể TC-96+ - 01 Máy rửa khay vi thể TC-94 - 01 Máy ủ lắc lắc khay vi thể TC-92 - 01 Bộ máy tính và màn hình LCD 27 inches. - 01 Máy in **III. Thông số kỹ thuật:** ***Máy đọc khay vi thể**	Hệ thống	1

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		• Cấu hình kĩ thuật: + Máy chính: 01 chiếc + Bộ kính lọc (04 cái): 01 bộ + Phần mềm điều khiển: 01 + Bộ dây nguồn: 01 bộ + Bộ tài liệu hướng dẫn tiếng Anh – tiếng Việt: 01 bộ • Thông số kĩ thuật: Phần trắc quang, đo sáng: - Phạm vi abs: 0.00 đến 3.50 đơn vị hấp thụ (A). - Phạm vi đo: 0.00 đến 2.00A - Độ chính xác: ±1% hoặc ±0.007A của số đọc từ 0 đến 2.0A - Độ chính xác: ±0.5% hoặc ±0.005A của số đọc từ 0 đến 2.0A - Độ tuyến tính: ±2% hoặc ±0.007A - Bước sóng tiêu chuẩn: 405, 450, 492, 630 nm. - Đầu đọc có bước sóng đơn hoặc đa bước sóng - Đĩa: Đĩa 96 giếng tiêu chuẩn (giếng đáy tròn hoặc đáy phẳng) cũng chấp nhận khay Strip có kích thước tiêu chuẩn (cấu hình 8x12) Phần điện tử: - Nguồn điện: 110V-220V, 50/60 Hz - Liên kết dữ liệu: RS232, USB, SD, RJ45 - Tốc độ đọc: chế độ liên tục < 5s, chế độ từng bước <15s Phần mềm phân tích kết quả: - Phần mềm kết nối với máy tính. - Các chế độ tính toán: Hiệu chuẩn đơn điểm, đọc và vẽ đồ thị theo dạng điểm nối điểm, phức hợp hồi quy (đường cong), hồi quy đường thẳng (log & linear), đo độ hấp thụ theo giếng, đo nhiều điểm với kết quả là % hấp thụ. - Các đặc điểm khác: Hệ thống lập trình máy mở dùng cho mọi loại sinh phẩm của các hãng khác nhau. Chọn dạng đĩa khi sử dụng, đặt tên test theo dạng α , tự động diễn giải các lựa chọn, lựa chọn phép đo giống lần xét nghiệm trước đó, xây dựng và vẽ bản đồ các đường cong đo, từ chối và báo lỗi. *** Máy ủ lắc lắc khay vi thể:**		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		• Cấu hình kĩ thuật: + 01 Thân máy chính. + 01 Dây nguồn. + 01 Phụ kiện tiêu chuẩn. + 01 Sách hướng dẫn sử dụng. • Thông số kĩ thuật: - Công suất: Chứa 2 khay chuẩn chuẩn nhựa ABS (96 giếng x 2 khay). - Tốc độ tăng dần 575 đến 1500 vòng/ phút. Có 8 chế độ lắc - Dãi nhiệt độ: Nhiệt độ môi trường – 40 độ C - Độ phân giải: 0.1 độ C - Thiết bị được điều khiển bằng bộ vi xử lý cung cấp nhiệt độ, thời gian và tốc độ trộn khác nhau thông qua bàn phím. Việc ủ định thời gian và trộn có thể được sử dụng độc lập. - Lớp phủ thủy tinh plexi màu khói bảo vệ các đĩa, che chắn chúng khỏi ánh sáng và cách nhiệt trong quá trình ủ. Bộ phận ủ: - Dãi nhiệt độ: Nhiệt độ môi trường – 40 độ C - Độ phân giải: 0.1 độ C - Độ đồng đồng nhất: tốt nhất ± 0.4 độ C - Cơ chế: giường nhôm cách nhiệt Bộ phận lắc: - Tốc độ tăng dần 575 đến 1500 vòng/ phút. Có 8 chế độ lắc - Tùy chọn: liên tục hoặc xung - Cơ chế: Quay đối trọng Thời gian (đồng hồ đo): - Chức năng: Cài đặt thời gian, xem thời gian còn lại của chu trình - Độ phân giải: 1 giây. - Khoảng đo: 1 giây đến 99 phút 59 giây. Nguồn điện và hiển thị**:** - Hiển thị: Đỏ, 7 đoạn, 4 dòng LED - Bàn phím: 16 phím. - Nguồn điện: 12V AC, 2 amp, bao gồm adapter - Bộ vi xử lý: Z80A. *** Máy rửa khay vi thể** **• Cấu hình kĩ thuật:**		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		+ 01 Thân máy chính. + 01 Dây nguồn. + 01 Bình đựng nước thải. + 01 Bình đựng nước rửa. + 01 Bình đựng nước rửa (có chất tẩy). + 01 Sách hướng dẫn sử dụng. Thông số kỹ thuật: - Có nhiều loại đĩa vi thể khác nhau: đáy bằng (flat), đáy tròn (rount), đáy nhọn (V) - Thiết bị có sẵn chương trình rửa. - Máy có thể lưu tới 50 chương trình - Có thể rửa 96 giếng bằng cách chọn đường rửa 8 lỗ hoặc 12 lỗ, Số dòng cọ rửa có thể điều chỉnh từ 1 đến 12 lỗ - Đầu rửa chứa 8 hoặc 12 chốt rửa kép cho Microplate 96 giếng Bơm dung dịch (rửa với 8 đầu bơm): - Thể tích cặn hút ra: < 1µl/ giếng tròn - Chu trình rửa: 1 – 12 chu kỳ với độ chính xác ±5% - Thời gian rửa có thể điều chỉnh từ 0 đến 24 giờ 59 phút 59 giây mỗi bước 1 giây Phần điện tử: - Màn hình hiển thị: LCD 60 x 110 mmm - Bàn phím: 9 phím, 3 hàng dọc x 3 hàng ngang Phần mềm: - Máy có thể lưu tới 50 chương trình - Thời gian rửa có thể điều chỉnh từ 0 đến 24 giờ 59 phút 59 giây mỗi bước 1 giây. Các thông tin khác: Một bình để rửa Một bình để xả Một bình đựng chất thải. *** Bộ máy tính và màn hình LCD ≥ 18,5 inches.** Thương hiệu: Phong Vũ Lắp ráp tại Việt Nam *** Máy in** Mã sản phẩm: LBP 6030 Hãng sản xuất: Canon Nước sản xuất: Việt Nam		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
4	**Máy Plasma (Plasma Nóng)**	**I. YÊU CẦU CHUNG** - Năm sản xuất: Năm 2023. - Chất lượng máy: Mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: CE - Cung cấp đầy đủ chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ - CC) (đối với hàng nhập khẩu). - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ: 20oC ~25oC. + Độ ẩm: ≤ 60% - Hàng nguyên đai, nguyên kiện - Nguồn điện sử dụng: Điện áp 220V/230V, Tần số 50/60Hz, Cường độ dòng điện 6.3A, nguồn điện xoay chiều 1 pha - Hệ thống giải nhiệt: sử dụng quạt - Hệ thống điều khiển: tự động hóa hoàn toàn, vi xử lý. - Giao diện sử dụng: màn hình LCD màu, độ phân giải cao, cảm ứng - Điều khiển phát tia: bàn đạp hơi - Chế độ đèn hiển thị cảnh báo khi phát tia: + Tắt (Off) khi không phát tia. + Nhấp nháy khi đang ở trạng thái sẵn sàng. + Sáng liên tục trong quá trình phát tia. - Cảnh báo bằng âm thanh: + Phát ra âm thanh khi bật/ tắt chế độ phát tia (do người dùng điều chỉnh) và trong trường hợp báo lỗi. **II. CẤU HÌNH TRANG THIẾT BỊ** Đặc điểm tính năng hệ thống Fractional Plasma (Plasma nóng) gồm có: - Hệ thống máy Fractional Plasma RF: 01 hệ thống - Trolley: 1 cái - 1 tay cầm MicroPlasma (Plasma nóng): 1 cái - Đầu tip: 4 bộ (Roller, Spark, Colibri, Icepick)	1	cái

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		- Kính bảo vệ cho bác sĩ (Laser Vision): 02 cái. - Kính bảo vệ cho bệnh nhân: 01 cái. - Bàn đạp chân bằng hơi: 01 cái. - Dây nguồn 230V – EU: 01 cái. - Chìa khóa hệ thống: 02 cái. - USB chứa hướng dẫn sử dụng: 01 cái. - Khóa an toàn: 01 cái. - Bộ dụng cụ châm nước: 01 bộ. - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ. - Nhãn cảnh bảo tín hiệu nguy hiểm, phát tia - Bộ Marketing Kit. **III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT** Nền tảng công nghệ của hệ thống là công nghệ Fractional Plasma RF bao gồm: Công nghệ Fractional Plasma RF: Công nghệ bóc tách da nhưng bản chất thăng hoa nên giữ lại lớp biểu bì trên da, tạo tổn thương sắc bén. - Điều chỉnh độ biến nhiệt và độ sâu bóc tách . - Cơ chế Fractional Plasma: thăng hoa -> phá vỡ các liên kết phân tử -> thay thế bù vào các ion trên mô -> ảnh hưởng lên quá trình cấu trúc và tín hiệu nội bào. Thông số kỹ thuật: - Kiểu phát RF: RFA400 - Tần số đầu ra: 40.68 MHz - Công suất đầu ra: 110 - 200W tùy theo ứng dụng - Điều khiển công suất đầu ra: Điều khiển biến xung - Tần số điều biến: ≤65 Hz - Thời gian tăng/giảm xung: < 5 µsec Chu kỳ xung - Fractional Plasma RF: Đường kính khu vực có thể tiếp xúc: 12mm hoặc 7mm (tùy thuộc vào kính thước đầu điều trị) - Đầu Roller: + chế độ phát tia liên tục + Có 3 kích thước bề mặt tiếp xúc khác nhau - Đầu Spark: chế độ phát tia liên tục - Đầu Colibri: chế độ phát tia tập trung, chuyên cho các vùng nhạy cảm, diện tích tiếp xúc nhỏ như vùng mắt - Đầu Icepick: chế độ tập trung, đặc biệt cho điều trị sẹo và sẹo mụn. .		

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		CHỨC NĂNG - Chế độ đầu đốt - Chế độ bóc tách - Chế độ con lăn **CHỈ ĐỊNH ĐIỀU TRỊ** - Tái tạo bề mặt da - Trị sẹo, sẹo mụn - Trị rạn da - Trẻ hoá da - Trẻ hoá vùng mắt, nhấn mí - Điều trị nếp nhăn chân chim - Đốt mụn thịt, mụn cóc, nốt ruồi,.. - Điều trị nám nông, đồi mồi, tàn nhang		
5	**Máy giặt**	**I. YÊU CẦU CHUNG** - Thiết bị sản xuất năm 2022 trở về sau. - Chất lượng hàng hóa: mới 100% - Nguồn điện: 220V/50Hz - Cung cấp đầy đủ chứng nhận xuất xứ (CO), chứng nhận chất lượng (CQ - CC) (đối với hàng nhập khẩu). **II. CẤU HÌNH TRANG THIẾT BỊ** 01 thân máy 01 Ống cấp nước 01 Ống thoát nước 01 Tấm chắn chuột **III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT** **Tính năng khác:** Khóa trẻ em, Tự động vệ sinh lồng giặt, Sấy gió 90’, Giặt tiết kiệm nước, Cảm biến thông minh Econavi Lồng Giặt: Thép không gỉ Cảm Biến: ECONAVI: Cảm biến khối lượng đồ giặt & nhiệt độ nước Chương trình giặt:10 chương trình Khóa trẻ em: Có Giặt nước nóng: Có (40/60°C) Màn hình hiển thị thời gian: Có Chọn mức nước: Có (10 mức)	1	cái

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		Hộc nước xả: Có Nắp máy: Kính chịu lực **Thông số kỹ thuật** Loại máy giặt: Cửa trên Lồng giặt: Lồng đứng Khối lượng giặt: 16kg Kiểu động cơ: Truyền động gián tiếp (dây Curoa) Chất liệu lồng giặt: Thép không gỉ Chất liệu vỏ máy: Kim loại sơn tĩnh điện Tốc độ vắt: ≤700 vòng/phút Dòng điện: 220V/50Hz		